

Số: 19/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1049/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT, ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điều a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC, ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và được đăng công báo tỉnh.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- GD Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.4.03.05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký: Lê Quang Trung

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm
2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ về liệu tinh, đơn giá liệu tinh phối giống nhân tạo cho heo (lợn), trâu, bò; loại giống, số lượng và mức hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi mua con giống gia súc (heo, trâu, bò), gia cầm (gà, vịt); xây dựng công trình khí sinh học, đệm lót sinh học; đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc; vật tư phục vụ hoạt động phối giống nhân tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò và gia cầm trên địa bàn tỉnh (trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp).
2. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đối với con giống: Mỗi hộ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: heo đực giống hoặc trâu đực giống hoặc bò đực giống hoặc gà giống hoặc vịt giống bố mẹ hậu bị. Kinh phí hỗ trợ được thanh toán trực tiếp cho các hộ chăn nuôi sau khi đã mua con giống và có hóa đơn tài chính về mua con giống theo quy định.
2. Đối với công trình khí sinh học và làm đệm lót sinh học: Mỗi hộ chỉ được hưởng kinh phí hỗ trợ để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.
3. Hỗ trợ trực tiếp cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn.
4. Hỗ trợ tinh heo, trâu, bò phối giống nhân tạo được cấp cho các Cơ sở cung cấp tinh, vật tư (không hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi).
5. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Định mức hỗ trợ phối giống nhân tạo heo, trâu, bò

1. Định mức hỗ trợ phối giống nhân tạo heo

a) Loại tinh: Sử dụng tinh heo tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi do UBND tỉnh chỉ định đảm bảo chất lượng.

b) Định mức: 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một heo nái/năm.

c) Đơn giá liều tinh: 80.000đồng/liều.

d) Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh dùng để phối giống nhân tạo theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT).

2. Định mức hỗ trợ phối giống nhân tạo trâu, bò

a) Loại tinh: Sử dụng tinh trâu, bò do các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất hoặc nhập khẩu nằm trong danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, do UBND tỉnh chỉ định.

b) Định mức: Hỗ trợ không quá 02 liều tinh/năm đối với bò thịt, 04 liều tinh/năm đối với trâu hoặc bò sữa.

c) Đơn giá: 100.000 đồng/tinh đối với trâu; 80.000 đồng/tinh đối với bò thịt, 90.000 đồng/tinh đối với bò sữa.

d) Tiêu chuẩn chất lượng tinh theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg).

Điều 5. Định mức hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

1. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần tối đa không quá 50% giá trị con giống heo, trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: xã Đông Bình, xã Đông Thành - thị xã Bình Minh; xã Loan Mỹ - huyện Tam Bình; xã Trà Côn, xã Tân Mỹ - huyện Trà Ôn để thực hiện phối giống dịch vụ như sau:

a) Hỗ trợ mua heo đực giống

+ Loại giống: Giống heo siêu nạc.

+ Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với 1 con heo đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con heo đực giống.

b) Hỗ trợ mua trâu, bò đực giống

+ Loại giống: trâu; Bò lai hướng thịt.

+ Mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên hoặc không quá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua một con trâu hoặc một con bò đực giống.

c) Hỗ trợ mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

+ Loại giống: Gà, vịt giống bố mẹ hậu bị hướng thịt và hướng trứng (trên 8 tuần tuổi).

+ Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/1 con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

d) Tiêu chuẩn chất lượng con giống:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

Điều 6. Định mức hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

1. Công trình khí sinh học

a) Chủng loại: Hình vòm cầu; Thể tích: từ 10m³ trở lên.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa không quá 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi, nhưng không quá 5000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/ 1 hộ.

2. Đệm lót sinh học

a) Đệm lót sinh học chăn nuôi gia cầm; Diện tích áp dụng tối thiểu 50m² trở lên.

b) Đệm lót sinh học chăn nuôi heo; Diện tích áp dụng tối thiểu 15 m² trở lên.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa không quá 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi, nhưng không quá 5000.000 đồng (năm triệu đồng)/ 1 hộ.

3. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

Điều 7. Định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo heo, trâu, bò

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho mỗi xã, phường, thị trấn 1 kỹ thuật viên.

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần đến 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo heo, trâu, bò; nhưng, không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

2. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc.

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 1 lần đến 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng từ 1,0 đến 3,7 lít cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc, nhưng không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Nguồn ngân sách địa phương.
2. Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.
3. Nguồn kinh phí từ chương trình, dự án Trung ương và địa phương; nguồn kinh phí từ các chương trình hợp tác quốc tế khác và nguồn huy động đóng góp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu kinh phí do UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng gửi về hàng năm; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo quy định.
2. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ định, công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; cung cấp liệu tinh, con giống và vật tư chăn nuôi đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.
3. Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm và phân bổ vốn để thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định nhu cầu kinh phí do UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng để tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Hướng dẫn cơ chế tài chính, thanh quyết toán chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi hộ gia đoạn 2016 - 2020 của tỉnh.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị, đoàn thể tuyên truyền rà soát, thống kê, xác nhận các hộ chăn nuôi có nhu cầu mua con giống; phối giống nhân tạo; áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi; người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc; nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, thông tin tuyên truyền phổ biến sâu rộng đến cơ sở, người chăn nuôi về chính sách hỗ trợ tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT và Thông tư số 205/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định này.

2. Xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm thực hiện chính sách hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh.

3. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã và thành phố báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện định kỳ ngày 15 hàng tháng về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) để tổng hợp, báo cáo về UBND tỉnh, Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 13. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Rà soát nhu cầu, thực hiện công khai chính sách hỗ trợ, danh sách hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ trước và sau khi có quyết định UBND tỉnh phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, phường, thị trấn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các địa phương báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký: Lê Quang Trung